**Mẫu số 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Tên Cơ sở CNNT)**  …………………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*…………, ngày…… tháng…… năm* …...

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ**

**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm: ………………………………………………………..........................

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:...............................................................................

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.......................................; Chức vụ:................

Địa chỉ:..........................................................................................................................

Điện thoại:.............................................................; Email:...........................................

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Kích cỡ (dài, rộng, cao): ……………………………………………………………

Trọng lượng sản phẩm (kg): …………………………………………………………

Ký hiệu sản phẩm (nếu có): ………………………………………………...………

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: …………....................................…….

**II. NỘI DUNG CHÍNH**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:…………………………………………

**1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

*1.1. Về sản xuất, kinh doanh*

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):………………….

- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):…………………….

- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):……

- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):…………………….

- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:………………………………….

- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:…………………………………

- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:………………………………….

- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:……………………………………………………..

- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP, ....) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Khả năng sản xuất hàng loại, với số lượng lớn:…………………………………….

- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:……………...

- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:…………………………………

*1.2. Về thị trường*

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:…………………………………………...

- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):……….

**2. Lao động, bảo vệ môi trường**

*2.1. Về lao động*

- Tổng số lao động đang sử dụng:…………………………………………………….

- Chất lượng lao động đang sử dụng:…………………………………………………

- Thu nhập bình quân*:..*………..…*VNĐ/người/tháng*

*2.2. Về môi trường*

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:……………………………………………………...

**3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm**

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:……………………………

- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:…………...

- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:……………….

**4. Một số nội dung khác**

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:……………………..

- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:………………………………………...

- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:…………………….

- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:…………………………………………..

- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):……………………………………….

**III. TỰ NHẬN XÉT**

**Đại diện**

**Cơ sở công nghiệp nông thôn**